

Tây Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2021

## **THÔNG CÁO BÁO CHÍ** **VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021**

Năm 2021 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức do đợt bùng phát đại dịch Covid-19, Tây Ninh là một trong 23 địa phương phía nam chịu tác động nặng nề nhất, phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, gây quá tải hệ thống y tế, tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội và sức khỏe nhân dân, ảnh hưởng rất nhiều đến việc phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương trong năm 2021.

Cùng tình hình đó, bức tranh kinh tế của tỉnh năm 2021 với một số chỉ tiêu đạt thấp so với kế hoạch và so với các năm gần đây, cụ thể như sau:

### **1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:**

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 0,21% so với năm 2020, chỉ duy trì được tăng trưởng nhưng không đạt kế hoạch (+5,5%) và thấp hơn nhiều so những năm gần đây<sup>1</sup>; Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn giảm 6,84%, trong đó vốn đầu tư thuộc khu vực nhà nước giảm 9,93%; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng thấp (+1,02%); tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội giảm 4,38%; thu ngân sách nhà nước giảm 1,12%, nhưng chi ngân sách tăng khá cao (+15,13%), chủ yếu tăng nhiều cho công tác y tế (+117,9%); thu hút đầu tư nước ngoài đạt 895 triệu USD<sup>2</sup> (+29,31%); trong năm có 640 doanh nghiệp được thành lập mới (-9,86%); Giá cả hàng hoá duy trì ổn định, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm tăng 2,64% so cùng kỳ; đời sống nhân dân gặp khó khăn do đại dịch covid-19 được nhà nước quan tâm hỗ trợ....

### **2. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2021:**

Về tốc độ tăng Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh là 0,21%, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,08%, đóng góp 0,52 điểm % vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 1,29 %, đóng góp 0,51 điểm %; khu vực dịch vụ giảm 2,92%, làm giảm 0,89 điểm %; các khoản thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,50%, cũng đóng góp 0,08 điểm %.

Trong 4 quý của năm 2021, GRDP quý I có tốc độ tăng cao nhất (+7,89%); kế đến là quý II (+6,77%); còn GRDP quý III giảm sâu (-13,57%) do dịch bùng phát trên địa bàn phải thực hiện giãn cách xã hội; đến quý IV, bắt đầu nới lỏng giãn cách, kinh tế phục hồi dần, giúp GRDP quý IV tăng 2,16% so cùng kỳ. Đóng góp

<sup>1</sup> GRDP 2020 tăng 3,78%; 2019 tăng 9,32%; 2018 tăng 7,85%)

<sup>2</sup> Theo Báo cáo sơ Kế hoạch và Đầu tư tính đến 15/12/2021.

cho mức tăng chung (+0,21%), quý I đóng góp 1,72 điểm %, quý II đóng góp 1,59 điểm %, quý III làm giảm 3,69 điểm %, quý IV đóng góp 0,59 điểm %.

Tốc độ tăng trưởng GRDP 2021, Tây Ninh xếp thứ 53/63 tỉnh, thành phố (trong đó có 9/63 tỉnh thành có tốc độ tăng trưởng âm). Trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Tây Ninh có tốc độ tăng trưởng xếp thứ 5/8 tỉnh, thành phố, (trên thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và tỉnh Tiền Giang).

Về quy mô và cơ cấu, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2021 theo giá hiện hành, ước đạt 90.431 tỷ đồng, với cơ cấu: Khu vực nông - lâm - thủy sản chiếm 22,12% (năm trước là 21,57%); khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 43,93% (năm trước là 43,27%); khu vực dịch vụ chiếm 29,02% (năm trước là 30,21%); phần thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,93% (năm trước là 4,95%).

### **Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) Ước năm 2021**

	Tổng sản phẩm theo giá hiện hành		Tổng sản phẩm theo giá SS 2010	
	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Tốc độ tăng (%)	Đóng góp của từng khu vực (điểm %)
<b>Tổng số</b>	<b>90.431</b>	<b>100,00</b>	<b>0,21</b>	<b>0,21</b>
1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	19.998	22,12	2,08	0,52
2. Công nghiệp và xây dựng	39.726	43,93	1,29	0,51
3. Dịch vụ	26.245	29,02	-2,92	-0,89
4. Thuế sản phẩm-trợ cấp sản phẩm	4.462	4,93	1,50	0,08

Kết quả hoạt động một số ngành kinh tế và lĩnh vực chủ yếu sau đây:

### **3. Sản xuất Nông, lâm nghiệp, thủy sản:**

#### **3.1 Sản xuất nông nghiệp:**

##### *Về trồng trọt:*

Cây lúa phát triển tốt, sơ bộ năm nay toàn tỉnh gieo trồng được 148.079 ha, tăng 0,27% so cùng kỳ, năng suất đạt 54,31 tạ/ha (+ 0,41%), sản lượng 804.254 tấn tăng 0,68% (+5.416 tấn) so cùng kỳ. Tình hình gieo trồng các cây hàng năm khác, diện tích ngô, thuốc lá có tăng, các cây khác không bằng cùng kỳ năm trước, ngô gieo trồng được 5.069 ha, tăng 7,27% so cùng kỳ, đậu phộng được 3.636 ha, giảm 3,91%; các cây rau, đậu, hoa, cây cảnh 23.646 ha, giảm 6,41% so cùng kỳ

## Diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2021

	Thực hiện cùng kỳ năm trước (Ha)	Thực hiện kỳ báo cáo (Ha)	So cùng kỳ (%)
<b>1. Cây lúa</b>	<b>147.679</b>	<b>148.079</b>	<b>100,27</b>
- Vụ Đông xuân:	46.121	46.378	100,56
- Vụ Hè thu:	50.351	50.761	100,81
- Vụ Mùa:	51.207	50.940	99,48
<b>2. Các cây hàng năm khác</b>			
- Ngô	4.725	5.069	107,27
- Lạc (đậu phộng)	3.784	3.636	96,09
- Thuốc lá	879	958	108,94
- Rau, đậu các loại và hoa	25.265	23.646	93,59
- Mía	6.963	6.136	88,12

Về cây lâu năm, cao su ước đạt 101.715 ha, tăng 1,19% so cùng kỳ, sản lượng ước đạt 183.982 tấn, tăng 2,47% so cùng kỳ. Mãng cầu (Na) 5.495 ha, tăng 1,65%, hiện Tây Ninh đang đầu tư, nỗ lực, quảng bá xúc tiến, kêu gọi đầu tư dự báo diện tích măng cầu sẽ tiếp tục phát triển trong những năm tới. Cây nhãn 4.422 ha giảm 2,28%, nhãn trồng tập trung, các huyện Dương Minh Châu, Gò Dầu, thị xã Hòa Thành, sản lượng thu hoạch đạt 39.612 tấn, giảm 2,21%. Cây xoài, diện tích ước đạt 2.508 ha, tăng 1,80% so cùng kỳ, sản lượng đạt 23.778 tấn, tăng 6,27%.

### **a) Chăn nuôi:**

Tình hình các đàn gia súc đến cuối năm và sản lượng xuất chuồng trong năm, đàn lợn tăng hơn cùng kỳ, còn các đàn trâu, bò đều giảm, cụ thể:

Đàn trâu ước đạt 9.685 con giảm 0,5% (-49 con), Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước cả năm đạt 265 tấn, giảm 9,86% (-29 tấn) so cùng kỳ.

Đàn bò 94.010 con, giảm 1,42% (-1.355 con), riêng bò nuôi lấy sữa 13.650 con, tăng 0,40% (+59 con) so cùng kỳ. Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng ước cả năm 2021 đạt 2.689 tấn so với cùng kỳ giảm 4,82% (-136 tấn). Sản lượng sữa bò tươi đạt 42.544 tấn, tăng 2,48% (+1.029 tấn).

Đàn lợn thịt ước đạt 142.523 con, tăng 4,21% (+5.763 con). Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước cả năm 2021 đạt 41.355 tấn, tăng 1,11% (+455 tấn).

Về gia cầm, tổng đàn 31/12 có 9.546 nghìn con, tăng 6,85% (+612 nghìn con) so cùng kỳ. Trong đó ước đàn gà hiện có 8.939 nghìn con, so với cùng kỳ tăng 8,70% (+715 nghìn con).

Sản lượng thịt gà hơi cả năm ước đạt 37.250 tấn, so với cùng kỳ tăng 5,42% (+1.914 tấn), sản lượng trứng gà sản xuất ước đạt 683.201 nghìn quả, tăng 42,03%

(+202.160 nghìn quả) so cùng kỳ, nguyên nhân sản lượng trứng gà tăng do đàn gà đẻ trứng công nghiệp trong năm tăng mạnh.

### Kết quả sơ bộ điều tra chăn nuôi

	Đơn vị tính	Chính thức CK năm trước	Ước thực hiện 31/12 2021	So sánh cùng kỳ (%)
<b>I. Gia súc</b>				
1. Trâu	con	9.734	9.685	99,50
2. Bò	con	95.365	94.010	98,58
Trong đó: Bò sữa	con	13.591	13.650	100,43
3. Lợn	con	160.727	165.305	102,85
Trong đó: Lợn thịt	con	136.760	142.523	104,21
<b>II. Gia cầm</b>	<b>1000 con</b>	<b>8.934</b>	<b>9.546</b>	<b>106,85</b>
Trong đó: Gà	1000 con	8.223	8.939	108,70

### 3.2 Lâm nghiệp:

*Trồng và chăm sóc rừng:* Diện tích rừng trồng tập trung ước thực hiện trong năm đạt 341 ha, đạt 100% kế hoạch. Kế hoạch chăm sóc rừng trồng phòng hộ, đặc dụng năm 2021 trên địa bàn toàn tỉnh với diện tích 552 ha, hiện nay các đơn vị đang khẩn trương triển khai thực hiện.

*Tình hình khai thác lâm sản:* Sản lượng gỗ khai thác ước thực hiện đạt 49.578 m<sup>3</sup> gỗ, giảm 13,6% (-7.803 m<sup>3</sup>) so cùng kỳ; sản lượng củi khai thác ước thực hiện được 248.114 Ste, bằng 93,91% so cùng kỳ (-16.095 Ste), sản lượng gỗ, củi khai thác trong kỳ giảm do diện tích rừng trồng và cây trồng phân tán giảm, nhưng do nhu cầu gỗ, củi phục vụ cho sản xuất nên vẫn duy trì việc khai thác gỗ rừng trồng tập trung và cây trồng phân tán trong nhân dân.

### 3.3 Thủy sản:

Trong năm 2021, tình hình nuôi trồng và đánh bắt thủy sản gặp một số khó khăn, do ảnh hưởng tình hình dịch Covid -19, khiến giá sản phẩm cá tra, cá khác nuôi nước ngọt có lúc giảm mạnh; chi phí công lao động, thức ăn tăng; xuất khẩu tiêu thụ gặp khó khăn, sản phẩm tồn kho nhiều khó tiêu thụ, diện tích cho sản phẩm đến kỳ thu hoạch tồn tại ao không tiêu thụ được.

Tổng sản lượng thủy sản thực hiện cả năm ước đạt 16.357 tấn, tăng 15,80% (+2.231 tấn), so cùng kỳ; Trong chủ yếu từ sản lượng thủy sản nuôi trồng ước tính đạt 14.345 tấn, chiếm tỷ trọng 87,70% trong tổng sản lượng thủy sản thực hiện trong kỳ, tăng 19,40% (+2.330 tấn) so cùng kỳ, còn sản lượng khai thác ước chỉ đạt 2.012 tấn, giảm 4,69% (-99 tấn) so cùng kỳ;

*Sản lượng giống thủy sản:* Ước thực hiện năm 2021 đạt 41,83 triệu con, tăng 85,49% (+19,28 triệu con) so cùng kỳ, do trong năm phát sinh tăng 1 hộ nuôi cá lăng giống tại huyện Trảng Bàng sản xuất sản lượng lớn.

#### **4. Sản xuất Công nghiệp:**

*Sản xuất công nghiệp trong năm 2021 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhất là tại các khu công nghiệp phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2021 tăng 2,58% so với năm 2020 (quý I tăng 12,74%; quý II tăng 11,78%; quý III giảm 18,14%; quý IV tăng 5,72%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng phần lớn<sup>3</sup> tăng 2,41% (quý I tăng 13,25%; quý II tăng 11,94%; quý III giảm 19,82%; quý IV tăng 5,96%),*

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 1,02%<sup>4</sup> so năm 2020 thấp nhất so với các năm gần đây, trong đó:

+ Nhóm ngành khai khoáng có lũy kế so cùng kỳ giảm 22,44% do chủ trương thắt chặt tình trạng khai thác tài nguyên khoáng sản của UBND tỉnh từ nhiều năm nay vẫn chưa được nới lỏng. Mặt khác, do nhu cầu giảm vì ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh và vận chuyển khó khăn nên doanh nghiệp cắt giảm đáng kể khối lượng khai thác trong quý 3/2021;

+ Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,89%. Tăng trưởng chủ yếu nhờ các ngành: dệt tăng 13,72%; sản xuất trang phục tăng 9,65%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 18,67%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 8,74%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 3,97%; các ngành giảm nhiều là: sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (-43,57%), chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (-23,32%); sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (-11,52%)....

+ Nhóm ngành sản xuất, truyền tải và phân phối điện tăng 7,99% so cùng kỳ. Hoạt động cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải, tái chế phế liệu giảm 8,88% so cùng kỳ; trong đó hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 5,93%, thoát nước và xử lý nước thải tăng 9,07%.

Đến cuối năm 2021, hoạt động sản xuất công nghiệp được hồi phục nhưng mức độ hồi phục chậm do tình hình dịch bệnh vẫn đang diễn biến rất phức tạp. Hiện tại, hầu hết các doanh nghiệp đã quay lại sản xuất, nhưng việc các ca nhiễm Covid-19 vẫn xuất hiện lẻ tẻ khiến các nhóm công nhân liên quan phải cách ly, tạm dừng hoạt động, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất.

*Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh:* tăng chậm hoặc giảm so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: vò, ruột xe các loại 81.196 nghìn cái (+3,84%); Quần áo các loại 197.349 nghìn cái (+8,71%); Clanhke Poolan 698,8 nghìn tấn (+3,05%); điện thương phẩm 4.946 triệu Kw (+4,70%); điện sản xuất 1.284 triệu Kw

<sup>3</sup> Cơ cấu GTTT ngành CN năm 2021 gồm: CN Khai khoáng chiếm 0,34%; CN Chế biến chế tạo 90,55%; SX và phân phối điện, khí đốt...chiếm 8,12%; Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải chiếm tỷ trọng 0,99%.

<sup>4</sup> 12 tháng năm 2018 tăng 15,81%; 12 tháng năm 2019 tăng 16,01; 12 tháng năm 2020 tăng 7,3%.

(+14,95%); nước máy sản xuất 11.515 nghìn m<sup>3</sup> (+5,44%) so cùng kỳ.... Bên cạnh đó cũng có sản phẩm duy trì bằng hoặc đạt thấp hơn so cùng kỳ năm 2020 như: Đường các loại ước đạt 194,8 nghìn tấn, giảm (-35,68%); Bột mì 1.049,7 nghìn tấn giảm (-4,83%); Xi măng 1.112,8 nghìn tấn, (-6,04%); Giày các loại 64.214 nghìn đôi (-14,08%); và gạch các loại 645.893 nghìn viên (-5,44%)....

### **5. Phát triển doanh nghiệp<sup>5</sup>, thu hút đầu tư:**

*Dịch Covid-19 kéo dài đã làm nhiều doanh nghiệp phải đối mặt với khó khăn thách thức và có nguy cơ phá sản; chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế bị đứt gãy do các đợt giãn cách liên tiếp, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới cả năm 2021 có sự sụt giảm cả về số lượng và số vốn đăng ký.*

Năm 2021, toàn tỉnh có 640 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 8,14 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 7,36 nghìn lao động, giảm 9,86% về số doanh nghiệp, giảm 23,65% về vốn đăng ký và cũng giảm 26,86% về số lao động so với năm 2020;

*Kinh tế tập thể:* Thành lập mới 21 hợp tác xã (HTX), giải thể 02 HTX. Đến nay, toàn tỉnh có 160 HTX (*tăng 15 HTX so với năm trước*), trong đó có 15 HTX ngưng hoạt động kéo dài, khó khăn trong việc giải thể. Tổng số thành viên HTX là 37.090 thành viên.

*Thu hút đầu tư nước ngoài:* Đạt 895 triệu USD, tăng 29,31% so với CK, trong đó có 16 dự án cấp mới với số vốn đăng ký 253,3 triệu USD, so với cùng kỳ giảm 5,88% về số dự án, và cũng giảm 36,53% về số vốn đăng ký mới; có 18 dự án bổ sung vốn 641,7 triệu USD, giảm 45,45% về số dự án bổ sung, nhưng tăng 119,01% về số vốn bổ sung. Lũy kế trên địa bàn tỉnh có 339 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 8.253 triệu USD, trong đó: 240 dự án hoạt động với số vốn 6.661 triệu USD; 43 dự án đang xây dựng với số vốn 949 triệu USD; 44 dự án chưa triển khai với số vốn 611 triệu USD; 12 dự án dừng hoạt động với số vốn 32 triệu USD; vốn thực hiện lũy kế chiếm khoảng 49% tổng vốn đăng ký.

### **6. Vốn đầu tư phát triển:**

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn, năm 2021 ước thực hiện đạt 32.567 tỷ đồng giảm 6,84% so năm 2020. Trong đó:

Vốn đầu tư từ khu vực nhà nước đạt 5.270 tỷ đồng, bằng 90,07% so với cùng kỳ. Trong đó kế hoạch vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý năm 2021 cũng chỉ bằng 93,97% so với kế hoạch năm 2020.

Vốn khu vực ngoài nhà nước đạt 14.049 tỷ đồng, giảm 17,31% so cùng kỳ, trong đó: Vốn của tổ chức, doanh nghiệp là 3.039 tỷ đồng (*cơ cấu chiếm 21,63% vốn ngoài nhà nước*) chỉ bằng 50,1% so cùng kỳ; Vốn của hộ dân cư là 11.010 tỷ đồng (*cơ cấu chiếm 78,37%*) bằng 97,72% so cùng kỳ.

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13.248 tỷ đồng, tăng 9,31% so cùng kỳ. Trong đó, vốn tự có 10.319 tỷ đồng, tăng 13,62% so với cùng kỳ; Vốn vay

<sup>5</sup> Số liệu tính đến ngày 15/12/2021.

2.929 tỷ đồng, bằng 96,49% so với cùng kỳ. Một số dự án mới, quy mô lớn của các doanh nghiệp như: Công ty TNHH Ilshin Việt Nam dự án xây dựng nhà máy sợi, đã thực hiện 499 tỷ đồng; Công ty TNHH Gain Lucky Việt Nam xây dựng nhà máy Gain Lucky và các xưởng bộ phận may đã thực hiện 781 tỷ đồng. Công ty TNHH Hansea Tây Ninh thực hiện dự án xây dựng nhà máy may mặc Fortunate Việt Nam thực hiện trong năm 1.132 tỷ đồng....

### **7. Giao thông vận tải:**

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải, cả năm doanh thu đạt 2.502 tỷ đồng, so với cùng kỳ giảm 13,6%, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 568,6 tỷ đồng giảm 33,92%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 1.869,8 tỷ đồng giảm 5,35% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 63,6 tỷ đồng tăng 5,94% so với năm 2020.

*Lượng hành khách vận chuyển:* đạt 10.208 nghìn lượt khách, giảm 43,3% và luân chuyển được 756.708 nghìn lượt khách.km, cũng giảm 43,13% so với năm trước. *Khối lượng Vận tải hàng hóa,* đạt 14.381 nghìn tấn, giảm 6,43% và luân chuyển 1.082 triệu tấn.km, giảm 7,09%.

### **8. Thương mại hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng:**

#### *a) Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:*

Tổng mức bán lẻ hàng hoá trên địa bàn ước đạt 62.247 tỷ đồng, giảm 2,74% so cùng kỳ. Hầu hết các nhóm hàng bán lẻ chủ lực đều giảm so cùng kỳ, như lương thực thực phẩm (*chiếm 37,49% trong doanh thu bán lẻ*) giảm 1,17%; xăng dầu các loại (*chiếm 12,96%*) giảm 2,2%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm (*chiếm 12,42%*) giảm 11,56%; dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (*chiếm 1,94%*) giảm 5,24%. Tuy vậy, bên cạnh đó một số hàng vẫn duy trì được tăng trưởng doanh thu là: ô tô con dưới 9 chỗ ngồi (+22,7%), bán lẻ nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng (+6,72%) và nhóm vật liệu xây dựng tăng (+0,62%).

#### *b) Hoạt động thương mại bán buôn hàng hoá:*

Doanh thu bán buôn hàng hóa ước đạt 59.729 tỷ đồng, giảm 2,36% so cùng kỳ. Trong đó có 02 nhóm có doanh thu tăng so cùng kỳ, gồm: nhóm nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) chủ yếu là chất đốt, là sản phẩm phục vụ nhu cầu đời sống hằng ngày nên không giảm so cùng kỳ (+1,37%); nhóm gỗ và vật liệu xây dựng (+4,31%). Các nhóm còn lại đều giảm so cùng kỳ, giảm mạnh nhất là nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm (-11,35%); phương tiện đi lại trừ ô tô con (kể cả phụ tùng) (-6,52%); hàng may mặc (-5,09%); vật phẩm văn hóa giáo dục (-4,41%); phân bón, thuốc trừ sâu (-2,02%); nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (-2,26%); xăng, dầu các loại (-1,64%); hàng lương thực phẩm (-1,26%)...

#### *c) Hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và tiêu dùng khác:*

Doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác đạt 14.974 tỷ đồng giảm 10,65% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ ăn uống chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 8.662 tỷ đồng giảm 7,45%; kể đến là doanh thu dịch vụ khác đạt 6.201 tỷ đồng giảm 14,05%; doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 108 tỷ

đồng giảm 38,45% và doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 2,87 tỷ đồng cũng giảm nhiều nhất (-69,95%) so cùng kỳ năm 2020.

### **9. Tình hình biến động Giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 2,64% so cùng kỳ. Trong đó, các nhóm hàng có chỉ số biến động tăng nhiều: *Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+3,1%); May mặc, mũ nón, giày dép (+4,08)* do nguyên liệu đầu vào tăng do giá xăng trong năm tăng mạnh làm chi phí vận chuyển tăng, chi phí nhân công cũng tăng do khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn lao động dẫn đến nhiều doanh nghiệp dè dặt trong nước chưa thể khôi phục sản xuất.

*Thiết bị và đồ dùng gia đình (+1,16%)*: Nhóm này tăng chủ yếu tăng ở nhóm máy giặt tăng 0,72%; đồ điện tăng 0,44%; thiết bị khác tăng 1,19%; đồ dùng nấu ăn tăng 1,05%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 1,83%, đồ dùng bằng kim loại tăng 0,08%...

*Giao thông (+9,56%)* Do ảnh hưởng của giá xăng dầu trên thế giới nên tại các kì điều hành Liên Bộ Công Thương - Tài chính đã điều chỉnh giá xăng dầu tăng trong nhiều tháng liên tiếp làm chỉ số nhóm này tăng lên. Giá nhiên liệu gồm xăng, dầu 12 tháng tăng 28,3% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

**Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ**: Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới. Giá vàng bình quân 12 tháng năm 2021 tăng đến 7,77% so với bình quân cùng kỳ; Chỉ số giá USD giảm 1,28% so với bình quân cùng kỳ.

### **10. Thu, chi ngân sách**

*Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội thời gian dài đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2021. Chi ngân sách Nhà nước tập trung ưu tiên cho công tác phòng, chống dịch Covid-19, đảm bảo quốc phòng, an ninh, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.*

Tổng thu ngân sách năm 2021 ước đạt 10.010 tỷ đồng đạt 95,33% dự toán năm và giảm 1,12% so với năm 2020. Trong đó, thu nội địa ước đạt 8.710 tỷ (*chiếm tỷ trọng 87,01% tổng thu ngân sách trên địa bàn*), bằng 91,68% dự toán và giảm 3,5% so năm trước; thu xuất nhập khẩu ước đạt 1.300 tỷ vượt dự toán 30% và tăng 18,4% so với năm trước. Trong các khoản thu nội địa có một số khoản đạt khá như: Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.465 tỷ, vượt 33,18% dự toán, và tăng 25,11% so với năm trước; thu từ doanh nghiệp nhà nước 431 tỷ, vượt dự toán 5,12% và tăng 6,45% so cùng kỳ....

Còn lại, hầu hết khoản thu đều giảm so cùng kỳ: Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.656 tỷ đồng bằng 97,39% dự toán và giảm 4,43% cùng kỳ; Thu từ hoạt động xổ số đạt 1.350 tỷ, đạt 78,95% dự toán và giảm 29,3% so cùng kỳ, do dịch Covid-19 tạm ngừng phát hành một số kỳ vé số; Thuế thu nhập cá nhân giảm (-2,03%); Thuế bảo vệ môi trường (-9,62%); Thu tiền sử dụng đất (-10,25%)...

### Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

	Năm 2021 (tỷ đồng)		% thực hiện năm 2021 so với	
	Dự toán	Ước TH cả năm	Dự toán	Cùng kỳ năm 2020
<b>Tổng thu</b>	<b>10.500</b>	<b>10.010</b>	<b>95,33</b>	<b>98,88</b>
I. Thu nội địa	9.500	8.710	91,68	96,50
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	410	431	105,12	106,45
2. DN có vốn đầu tư nước ngoài	1.100	1.465	133,18	125,11
3. Khu vực CTN và DV ngoài nhà nước	1.700	1.656	97,39	95,57
4. Hoạt động xổ số	1.710	1.350	78,95	70,70
II. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.000	1.300	130,00	118,40

#### *b) Chi ngân sách:*

Chi ngân sách năm 2021 ước đạt 12.190 tỷ đồng, bằng 105,61% dự toán, tăng 15,13% so cùng kỳ. Trong đó: Chi thường xuyên đạt 6.410 tỷ đồng, bằng 106,69% dự toán và tăng 14,57% so cùng kỳ; Chi đầu tư phát triển 4.361 tỷ đồng, đạt 126,77% dự toán, tăng 15,51% so cùng kỳ; chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 1.406 tỷ đồng tăng 20,05% so cùng kỳ. Riêng khoản chi cho sự nghiệp y tế năm nay tăng cao nhất (+118,65%) so với dự toán và so với năm trước cũng tăng (+117,9%).

### Chi ngân sách nhà nước địa phương

	Năm 2021 (tỷ đồng)		% thực hiện 12 tháng năm 2021 so với	
	Dự toán	Ước TH cả năm	Dự toán	Thực hiện năm 2020
<b>Tổng chi</b>	<b>11.542</b>	<b>12.190</b>	<b>105,61</b>	<b>115,13</b>
I. Chi cân đối Ngân sách địa phương	10.317	10.784	104,52	114,52
Trong đó:				
1. Chi đầu tư phát triển	3.439	4.361	126,77	115,51
2. Chi thường xuyên	6.008	6.410	106,69	114,57
Trong đó:				
+ Sự nghiệp kinh tế	879,7	763	86,81	93,29
+ Sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề	2.315	2.313	99,92	107,47
+ Sự nghiệp y tế	464	1.015	218,65	217,90
+ Quản lý hành chính	1.112	1.027	100,50	108,88
II. Chi chương trình mục tiêu nhiệm vụ	1.225	1.406	114,82	120,05

## **11. Tình hình văn hoá, xã hội:**

### *a) Đời sống, lao động, giải quyết việc làm:*

*Công tác giảm nghèo:* thực hiện cấp thẻ BHYT cho hộ cận nghèo và nghèo và người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp mức sống trung bình được 130.149 lượt thẻ, hỗ trợ tiền điện cho 2.502 hộ cận nghèo với tổng kinh phí 900 triệu đồng, Ngân hàng chính sách xã hội cho vay ưu đãi các hộ nghèo, cận nghèo, học sinh, sinh viên với tổng số dư nợ 2.881 triệu đồng, triển khai các chính sách vay vốn đối với học sinh, sinh viên, dạy nghề, tổng dư nợ 372 tỷ đồng.

*Công tác bảo trợ xã hội:* Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp thường xuyên, đã chi trả trợ cấp xã hội cho 35.740 đối tượng, với kinh phí 186.406 triệu đồng; cấp 33.158 thẻ BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng. Trong năm, xây mới và sửa chữa 123 căn nhà tình nghĩa và 222 căn nhà đại đoàn kết, nhà tình thương với tổng kinh phí 19.589 triệu đồng.

*Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm:* các cơ sở dạy nghề tuyển sinh và đào tạo 6.199 người, chủ yếu đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên 4.151 người; số học sinh tốt nghiệp 4.717 người. Việc làm mới tăng thêm đạt 17.887 người. Ngành lao động LĐ-TB&XH tư vấn việc làm và học nghề cho 18.260 lao động; giới thiệu cung ứng lao động trong nước 8.056 lao động, đồng thời đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài 159 lao động.

Về đình công, lãn công trong năm xảy ra 09 vụ tại 08 công ty với 8.945 lao động tham gia, tăng 03 vụ so năm trước.

*Công tác hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng:* tính đến ngày 12/12/2021 đã triển khai hỗ trợ 181.720 đối tượng, kinh phí 279,3 tỷ đồng. Ngoài ra, thực hiện chính sách hỗ trợ đối tượng không khả năng thoát nghèo và hộ cận nghèo bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid-19 với kinh phí 2.143,33 triệu đồng. Bộ Quốc Phòng đã hỗ trợ tỉnh Tây Ninh 20.000 phần quà hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch bệnh tổng kinh phí 6 tỷ đồng. Như vậy, tổng kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh là 287,44 tỷ đồng.

### *b) Giáo dục và đào tạo:*

Do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời điều chỉnh kế hoạch thời gian năm học, tổ chức dạy học trực tuyến; điều chỉnh hình thức kiểm tra, đánh giá, đề vừa bảo đảm phòng, chống dịch bệnh Covid-19 vừa hoàn thành năm học 2020-2021.

Tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2021, tỷ lệ học sinh thi đậu tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 98,7% (*năm học trước: 98,8%*); tỷ lệ học sinh được xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,99% (*năm học trước: 99,99%*); xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100% (*năm học trước: 99,97%*). Ước đến cuối năm 2021, công nhận 14 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 229 trường. Tổ chức dạy và học trực tuyến,

khai giảng năm mới 2021 – 2022 linh hoạt, phù hợp. Phát động quyên góp, ủng hộ Chương trình “Sóng và máy tính cho em” từ nguồn quyên góp, ủng hộ do Công đoàn ngành (GDĐT) số lượng 860 máy.

**c) Hoạt động y tế:**

*Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19:* Từ khi khởi phát dịch đến ngày 16/12/2021, trên địa bàn tỉnh ghi nhận 73.241 trường hợp nhiễm SARS-CoV-2, số ca hiện đang điều trị là 16.999 ca, trong đó có 158 bệnh nhân đang điều tra tầng 3 (trung bình: 23, nặng: 75; nguy kịch: 60); Điều trị bệnh nhân trung bình, bệnh nền (tầng 2) 208 ca; Điều trị bệnh nhân không triệu chứng (tầng 1) 502 ca. Ngoài ra, đang điều trị F0 tại nhà có 16.131 ca tại 94/94 xã phường, thị trấn.

Đã điều trị khỏi lũy kế đến nay 55.780 ca, số ca tử vong 460 ca. Đến nay, về cơ bản đã được kiểm soát, tuy nhiên thời gian gần đây số ca nhiễm Covid-19 tăng cao trong cộng đồng và trong các khu công nghiệp.

Cơ sở vật chất phục vụ điều trị Covid-19 trên địa bàn tỉnh, hiện số giường khả dụng tại các tầng là 1.820 giường ( 61 giường tầng 2 và 1.759 giường tầng 1).

Tình hình dịch và bệnh truyền nhiễm khác: Bệnh Tay chân miệng, số ca mắc từ đầu năm đến nay 491 ca giảm 31,23% so với cùng kỳ (714 ca), không có ca tử vong; bệnh Sốt xuất huyết số ca mắc 1.890 ca giảm 22,73% so với cùng kỳ (2.446 ca), không có ca tử vong.

**d) An toàn giao thông:**

Năm 2021, số vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 77 vụ, làm chết 31 người, bị thương 65 người; So với năm trước, số vụ tai nạn giao thông giảm cả 03 tiêu chí: Số vụ (-45 vụ), số người chết giảm (-16 người), số người bị thương giảm (-34 người). Tai nạn giao thông đường thủy 12 tháng không xảy ra.

**e) Hoạt động văn hoá và du lịch:**

Năm 2021 các hoạt động văn hóa, xã hội ứng dụng công nghệ trực tuyến, phù hợp với tình hình dịch bệnh để lan tỏa giá trị tốt đẹp trong nhân dân. Nhiều hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ người dân vùng dịch, lực lượng tuyến đầu chống dịch đã diễn ra sôi nổi, âm áp. Hoạt động tuyên truyền các sự kiện, các ngày lễ lớn gắn liền với công tác chỉ đạo thực hiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Xúc tiến, quảng bá du lịch Tây Ninh như: “Không gian trưng bày, quảng bá văn hoá, du lịch ẩm thực và Tọa đàm giới thiệu điểm đến du lịch các địa phương vùng Đông Nam Bộ” tại Thị Xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; “Không gian trưng bày tại giải Marathon núi Bà Đen tỉnh Tây Ninh lần thứ I năm 2021”; Tham gia quảng bá tại Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam – VITM Hanoi 2021.

Tổ chức thành công “Lễ hội Văn hóa, Du lịch nghề làm Bánh tráng phơi sương Trảng Bàng, lần III năm 2021” từ ngày 26/01 – 03/02/2021. Giới thiệu Cổng Thông tin điện tử Du lịch Tây Ninh và ứng dụng “Tay Ninh Tourism”, Số hóa các ấn phẩm Cẩm nang du lịch, Tập Ảnh đẹp du lịch, website Ẩm thực và các nền tảng công nghệ số; Quảng bá du lịch Tây Ninh trên Tạp chí Du lịch với nội dung “Tây Ninh - Viên ngọc xanh của miền Nam” và “Đặc sắc ẩm thực Chay Tây Ninh”.

Tổ chức Hội thảo trực tuyến “Khởi nghiệp du lịch cộng đồng” với sự tham dự của gần 200 đại biểu trên cả nước.

**f) Hoạt động thể dục thể thao:**

Thể thao thành tích cao: tham gia 22 giải thi đấu thể thao khu vực, đạt 45 huy chương (08 HCV, 14 HCB, 23 HCD). Đào tạo, huấn luyện tại nhà 199 vận động viên (55 vận động viên tuyển, 121 vận động viên trẻ và 23 vận động viên năng khiếu); 55 vận động viên đạt đẳng cấp (14 vận động viên Kiện tướng, 39 vận động viên Cấp I, và 02 vận động viên kiện tướng dự bị).

Tổ chức 05 giải thể thao quần chúng cấp tỉnh: Giải Billiards các CLB, Giải Cờ vua các CLB, Giải Vovinam, Giải Cờ tướng các CLB, Giải Việt dã trong khuôn khổ Lễ phát động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, chào mừng Ngày Thể thao Việt Nam (27/3).

Tổ chức thành công các giải thể thao phong trào: Giải Bóng đá Mừng Đảng - Mừng Xuân - Cúp Bình Điền Tây Ninh lần thứ IV năm 2021; Giải Cúp Lân Sư Rồng tỉnh Tây Ninh lần thứ II năm 2020; Giải Bóng đá vô địch các CLB tỉnh Tây Ninh - Cúp Hải Đăng lần II năm 2021 và Giải Quần vợt VTF Masters 500 - 1 Cúp Hải Đăng 2021; Giải Marathon núi Bà Đen tỉnh Tây Ninh lần thứ I năm 2021.

**g) Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ, và thiên tai:**

Cháy nổ: Cả năm xảy ra 19 vụ cháy, 01 vụ nổ, làm 01 người bị thương, thiệt hại về tài sản khoảng 4,38 tỷ đồng. Giảm 04 vụ so với năm trước, số tiền thiệt hại giảm hơn 3,8 tỷ so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu của các vụ cháy là do bất cẩn trong sử dụng điện.

Số vụ vi phạm môi trường: cả năm đã phát hiện và xử lý 03 vụ (giảm 03 vụ so với năm trước), với số tiền phạt 733 triệu đồng, giảm 38 triệu đồng so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh nghiệp xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.

Thiên tai: Trong năm xảy ra 32 vụ thiên tai; làm chết 03 người và bị thương 08 người; Thiệt hại về vật chất: nhà bị sập 04 căn nhà và tốc mái 629 căn nhà, lúa 265,6 ha, hoa màu 137,9 ha, làm chết gia súc 09 con. Ước tổng giá trị thiệt hại khoảng 41.434 triệu đồng.

So năm 2020 số vụ thiên tai tăng (+12 vụ), số người bị chết tăng (+03 người), số người bị thương tăng (+08 người), số tiền thiệt hại tăng (+39.618 triệu đồng).

**12. Đơn vị hành chính, dân số và lao động:**

*Đơn vị hành chính:* Tính đến năm 2021 Tây Ninh có 9 đơn vị cấp huyện (01 Thành phố, 02 Thị xã, và 6 huyện)<sup>6</sup>; 94 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 17 phường, 6 thị trấn, và 71 xã.

*Dân số trung bình của Tỉnh:* năm 2021 ước đạt 1.181.907 người, trong đó khu vực thành thị 382.641 người (chiếm tỉ trọng 32,4% tổng số) tăng 0,4%, dân số

<sup>6</sup> Trong đó: Thị xã Trảng Bàng và Thị xã Hoà thành được nâng cấp từ huyện lên trong năm 2020.

nông thôn 799.266 người (*chiếm tỉ trọng 67,6% tổng số*) tăng 0,26% so với năm 2020.

*Lao động:* Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2021 ước 675.511 người chiếm tỉ trọng 57,2% dân số của tỉnh và giảm 2,5% so năm trước, và số lao động đang làm việc là 662.321 người cũng chiếm tỉ trọng 56,04% dân số của tỉnh và giảm 2,81% so với năm 2020./.

**CỤC THỐNG KÊ TỈNH TÂY NINH**